| | |
|---|---|
| **ỦY BAN NHÂN DÂN**<br>**HUYỆN ĐAK ĐOA**<br>Số: 1231 /UBND-NC | **CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**<br>**Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**<br>*Đak Đoa, ngày 02 tháng 7 năm 2021* |

V/v triển khai áp dụng Danh mục gồm 01 TTHC mới, 08 TTHC sửa đổi, bổ sung và bãi bỏ 04 TTHC trong lĩnh vực bảo trợ xã hội thuộc thẩm quyền cấp huyện

Kính gửi: Phòng Lao động – Thương binh và Xã hội.

Thực hiện Quyết định số 547/QĐ-UBND ngày 24/6/2021 của Chủ tịch UBND tỉnh, về việc công bố Danh mục gồm 01 TTHC mới, 08 TTHC sửa đổi, bổ sung và bãi bỏ 04 TTHC trong lĩnh vực bảo trợ xã hội thuộc thẩm quyền giải quyết của UBND cấp huyện.

Ủy ban nhân dân huyện giao phòng Lao động – Thương binh và Xã hội tổ chức triển khai thực hiện TTHC theo Quyết định số 547/QĐ-UBND ngày 24/6/2021 của UBND tỉnh; cung cấp thủ tục để Bưu điện huyện Đak Đoa niêm yết tại Bộ phận 1 cửa huyện; tham mưu đề xuất UBND huyện điều chỉnh lại Bộ quy trình ISO và cập nhật trên hệ thống 1 cửa điện tử; hướng dẫn Bưu điện huyện thực hiện việc tiếp nhận hồ sơ trên hệ thống 1 cửa điện tử theo đúng quy định.

Nhận được công văn này, yêu cầu Trưởng phòng Lao động – Thương binh và Xã hội triển khai thực hiện./.

***Nơi nhận:***
- Như trên;
- Chủ tịch, các PCT UBND huyện;
- Văn phòng HĐND và UBND huyện;
- Bưu điện huyện Đak Đoa (phối hợp niêm yết, tiếp nhận hồ sơ);
- UBND các xã, thị trấn (phối hợp thực hiện);
- Phòng VHTT (đăng tải trang TTĐT UBND huyện);
- Tổ kiểm soát TTHC huyện;
- Lưu: VT-NC.(9.21-TTHCCH).

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN**
**CHỦ TỊCH**

Phạm Minh Trung

| ỦY BAN NHÂN DÂN<br>TỈNH GIA LAI | CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM<br>Độc lập - Tự do - Hạnh phúc |
|---|---|
| Số: 547 /QĐ-UBND | *Gia Lai, ngày 24 tháng 6 năm 2021* |

# QUYẾT ĐỊNH

**Về việc công bố Danh mục gồm 01 thủ tục hành chính mới, 08 thủ tục hành chính sửa đổi, bổ sung và bãi bỏ 04 thủ tục hành chính trong lĩnh vực bảo trợ xã hội thuộc thẩm quyền giải quyết của UBND cấp huyện**

## CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH

*Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19/6/2015;*

*Căn cứ Luật sửa đổi, bổ sung một số Điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức Chính quyền địa phương ngày 22/11/2019;*

*Căn cứ Nghị định số 63/2010/NĐ-CP ngày 08/6/2010 của Chính phủ về kiểm soát thủ tục hành chính;*

*Căn cứ Nghị định số 92/2017/NĐ-CP ngày 07/8/2017 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định liên quan đến kiểm soát thủ tục hành chính;*

*Căn cứ Thông tư số 02/2017/TT-VPCP ngày 31/10/2017 của Bộ trưởng, Chủ nhiệm Văn phòng Chính phủ hướng dẫn nghiệp vụ kiểm soát thủ tục hành chính;*

*Theo đề nghị của Giám đốc Sở Lao động - Thương binh và Xã hội tại Tờ trình số 59/TTr-SLĐTBXH ngày 07/6/2021.*

## QUYẾT ĐỊNH:

**Điều 1.** Công bố kèm theo Quyết định này Danh mục gồm 01 thủ tục hành chính mới, 08 thủ tục hành chính được sửa đổi, bổ sung trong lĩnh vực bảo trợ xã hội thuộc thẩm quyền giải quyết UBND cấp huyện theo Quyết định số 635/QĐ-LĐTBXH ngày 03/6/2021 của Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội về việc công bố thủ tục hành chính sửa đổi, bổ sung, bãi bỏ trong lĩnh vực bảo trợ xã hội thuộc phạm vi chức năng quản lý nhà nước của Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội *(Phụ lục I kèm theo).*

**Điều 2.** Bãi bỏ 04 thủ tục hành chính thuộc thẩm quyền giải quyết của UBND cấp huyện *(Phụ lục II kèm theo).*

**Điều 3.** Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký.

Chánh Văn phòng UBND tỉnh, Giám đốc Sở Lao động - Thương binh và Xã hội; Chủ tịch UBND các huyện, thị xã, thành phố; Chủ tịch UBND các xã, phường, thị trấn và các tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

***Nơi nhận:***
- Như Điều 3;
- Cục Kiểm soát TTHC- Văn phòng Chính phủ;
- Chủ tịch, các PCT.UBND tỉnh;
- Sở Thông tin và Truyền thông (phòng CNTT);
- UBND cấp xã (UBND cấp huyện sao gửi);
- Công an xã, phường, thị trấn (UBND cấp xã sao gửi);
- Cổng thông tin điện tử tỉnh;
- Lưu: VT, NC.

**CHỦ TỊCH**

**Võ Ngọc Thành**

**PHỤ LỤC I**

**DANH MỤC THỦ TỤC HÀNH CHÍNH SỬA ĐỔI, BỔ SUNG TRONG LĨNH VỰC BẢO TRỢ XÃ HỘI THUỘC THẨM QUYỀN GIẢI QUYẾT CỦA UBND CẤP HUYỆN**

*(Ban hành kèm theo Quyết định số: 547 /QĐ-UBND ngày 24 tháng 6 năm 2021 của Chủ tịch UBND tỉnh)*

| TT | Tên thủ tục hành chính | Thời hạn giải quyết | Địa điểm thực hiện | Phí, lệ phí | Căn cứ pháp lý |
|---|---|---|---|---|---|
| **A. DANH MỤC THỦ TỤC HÀNH CHÍNH MỚI** | | | | | |
| 01 | Tiếp nhận đối tượng bảo trợ xã hội có hoàn cảnh đặc biệt khó khăn vào cơ sở trợ giúp xã hội cấp huyện<br>2.000286 | 34 ngày làm việc đối với tiếp nhận đối tượng vào cơ sở cấp tỉnh; 27 ngày làm việc đối với tiếp nhận đối tượng vào cơ sở cấp huyện, kể từ ngày các cơ quan giải quyết TTHC nhận được đầy đủ hồ sơ hợp lệ theo quy định | - Nộp hồ sơ trực tiếp, qua đường bưu điện hoặc trực tuyến đến Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả của UBND cấp xã.<br>- Cơ quan phối hợp: Phòng Lao động-Thương binh và Xã hội; UBND cấp huyện, Sở Lao động, Thương binh và Xã hội, cơ sở trợ giúp xã hội.<br>- Thẩm quyền quyết định: Chủ tịch UBND cấp huyện (đối với cơ sở cấp huyện). | Không | Nghị định số 20/2021/NĐ-CP ngày 15/3/2021 của Chính phủ quy định chính sách trợ giúp xã hội đối với đối tượng bảo trợ xã hội |
| **B. DANH MỤC THỦ TỤC HÀNH CHÍNH SỬA ĐỔI, BỔ SUNG** | | | | | |
| 01 | Thực hiện, điều chỉnh, thôi hưởng trợ cấp xã hội hằng tháng, hỗ trợ kinh phí chăm sóc, nuôi dưỡng hàng tháng<br>1.001776 | 22 ngày làm việc, kể từ ngày các cơ quan giải quyết TTHC nhận được đầy đủ hồ sơ hợp lệ theo quy định | - Nộp hồ sơ trực tiếp, qua đường bưu điện hoặc trực tuyến đến Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả của UBND cấp xã.<br>- Cơ quan phối hợp: Công an xã, phường, thị trấn, Phòng Lao động-Thương binh và Xã hội; UBND cấp huyện.<br>- Thẩm quyền quyết định: Chủ tịch UBND cấp huyện. | Không | Nghị định số 20/2021/NĐ-CP ngày 15/3/2021 của Chính phủ quy định chính sách trợ giúp xã hội đối với đối tượng bảo trợ xã hội |

| | | | | | |
|---|---|---|---|---|---|
| 02 | Chi trả trợ cấp xã hội hàng tháng, hỗ trợ kinh phí chăm sóc, nuôi dưỡng hàng tháng khi đối tượng thay đổi nơi cư trú trong cùng địa bàn quận, huyện, thị xã, thành phố thuộc tỉnh<br>1.001758 | 06 ngày làm việc, kể từ ngày các cơ quan giải quyết TTHC nhận được đầy đủ hồ sơ hợp lệ theo quy định | - Nộp hồ sơ trực tiếp, qua đường bưu điện hoặc trực tuyến đến Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả của UBND cấp xã.<br>- Cơ quan tiếp nhận: Phòng Lao động-Thương binh và Xã hội; UBND cấp huyện.<br>- Thẩm quyền quyết định: Chủ tịch UBND cấp huyện. | Không | Nghị định số 20/2021/NĐ-CP ngày 15/3/2021 của Chính phủ quy định chính sách trợ giúp xã hội đối với đối tượng bảo trợ xã hội |
| 03 | Quyết định trợ cấp xã hội hàng tháng, hỗ trợ kinh phí chăm sóc, nuôi dưỡng hàng tháng khi đối tượng thay đổi nơi cư trú giữa các quận, huyện, thị xã, thành phố thuộc tỉnh, trong và ngoài tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương<br>1.001753 | - 08 ngày làm việc, kể từ ngày UBND cấp xã nơi đối tượng cư trú mới nhận được hồ sơ của đối tượng *(do Phòng Lao động - Thương binh và Xã hội nơi cư trú cũ của đối tượng gửi đến).* | - Nộp hồ sơ trực tiếp, qua đường bưu điện hoặc trực tuyến đến Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả của UBND cấp xã.<br>- Cơ quan phối hợp: Phòng Lao động - Thương binh và Xã hội; UBND cấp huyện *(nơi cư trú cũ và mới của đối tượng).*<br>- Thẩm quyền quyết định: Chủ tịch UBND cấp huyện *(nơi cư trú cũ và mới của đối tượng)* | Không | Nghị định số 20/2021/NĐ-CP ngày 15/3/2021 của Chính phủ quy định chính sách trợ giúp xã hội đối với đối tượng bảo trợ xã hội |

| | | | | | |
|---|---|---|---|---|---|
| 04 | Hỗ trợ chi phí mai táng cho đối tượng bảo trợ xã hội<br>1.001731 | | - Nộp hồ sơ trực tiếp, qua đường bưu điện hoặc trực tuyến đến Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả của UBND cấp xã.<br>- Cơ quan phối hợp: Phòng Lao động - Thương binh và Xã hội; UBND cấp huyện.<br>- Thẩm quyền quyết định: Chủ tịch UBND cấp huyện. | Không | Nghị định số 20/2021/NĐ-CP ngày 15/3/2021 của Chính phủ quy định chính sách trợ giúp xã hội đối với đối tượng bảo trợ xã hội |
| 05 | Trợ giúp xã hội khẩn cấp về hỗ trợ chi phí điều trị người bị thương nặng ngoài nơi cư trú mà không có người thân thích chăm sóc<br>2.000777 | | - Nộp hồ sơ trực tiếp, qua đường bưu điện hoặc trực tuyến đến Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả của UBND cấp huyện.<br>- Thẩm quyền quyết định: Chủ tịch UBND cấp huyện. | 05 ngày làm việc, kể từ ngày các cơ quan giải quyết TTHC nhận được đầy đủ hồ sơ hợp lệ theo quy định | Nghị định số 20/2021/NĐ-CP ngày 15/3/2021 của Chính phủ quy định chính sách trợ giúp xã hội đối với đối tượng bảo trợ xã hội |
| 06 | Nhận chăm sóc, nuôi dưỡng đối tượng cần bảo vệ khẩn cấp<br>1.001739 | 05 ngày làm việc, kể từ ngày các cơ quan giải quyết TTHC nhận được đầy đủ hồ sơ hợp lệ theo quy định | - Nộp hồ sơ trực tiếp, qua đường bưu điện hoặc trực tuyến đến Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả của UBND cấp xã.<br>- Cơ quan phối hợp: Phòng Lao động - Thương binh và Xã hội; UBND cấp huyện.<br>- Thẩm quyền quyết định: Chủ tịch UBND cấp huyện. | 02 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được văn bản đề nghị của các cơ quan, tổ chức trực tiếp cấp cứu, chữa trị cho người bị thương nặng | Nghị định số 20/2021/NĐ-CP ngày 15/3/2021 của Chính phủ quy định chính sách trợ giúp xã hội đối với đối tượng bảo trợ xã hội |

| | | | | | |
|---|---|---|---|---|---|
| 07 | Trợ giúp xã hội khẩn cấp về hỗ trợ chi phí mai táng<br>2.000744 | 03 ngày làm việc (kể từ khi Chủ tịch UBND cấp huyện nhận được đề nghị của Chủ tịch UBND cấp xã). | - Nộp hồ sơ trực tiếp, qua đường bưu điện hoặc trực tuyến đến Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả của UBND cấp xã.<br>- Cơ quan phối hợp: UBND cấp huyện.<br>- Thẩm quyền quyết định: Chủ tịch UBND cấp huyện. | Không | Nghị định số 20/2021/NĐ-CP ngày 15/3/2021 của Chính phủ quy định chính sách trợ giúp xã hội đối với đối tượng bảo trợ xã hội |
| 08 | Dừng trợ giúp xã hội tại cơ sở trợ giúp xã hội cấp huyện<br>2.000477 | 07 ngày làm việc, kể từ ngày các cơ quan giải quyết TTHC nhận được đầy đủ hồ sơ hợp lệ theo quy định | - Nộp hồ sơ trực tiếp, qua bưu điện hoặc trực tuyến đến cơ sở trợ giúp xã hội.<br>- Cơ quan phối hợp: UBND cấp xã, UBND cấp huyện.<br>- Thẩm quyền quyết định: Chủ tịch UBND cấp huyện (đối với cơ sở cấp huyện). | Không | Nghị định số 20/2021/NĐ-CP ngày 15/3/2021 của Chính phủ quy định chính sách trợ giúp xã hội đối với đối tượng bảo trợ xã hội |

# PHỤ LỤC II
## DANH MỤC THỦ TỤC HÀNH CHÍNH BỊ BÃI BỎ
## THUỘC THẨM QUYỀN GIẢI QUYẾT CỦA CỦA UBND CẤP HUYỆN

*(Ban hành kèm theo Quyết định số: 547 /QĐ-UBND ngày 24 tháng 6 năm 2021 của Chủ tịch UBND tỉnh)*

| STT | Mã hồ sơ TTHC | Tên thủ tục hành chính | Quyết định công bố |
|---|---|---|---|
| 01 | 1.000674 | Tiếp nhận đối tượng bảo trợ xã hội có hoàn cảnh đặc biệt khó khăn vào cơ sở trợ giúp xã hội cấp huyện | 512/QĐ-UBND ngày 08/5/2018 của Chủ tịch UBND tỉnh Gia Lai |
| 02 | 2.000343 | Tiếp nhận đối tượng cần bảo vệ khẩn cấp vào cơ sở trợ giúp xã hội cấp huyện | 512/QĐ-UBND ngày 08/5/2018 của Chủ tịch UBND tỉnh Gia Lai |
| 03 | 2.000335 | Tiếp nhận đối tượng tự nguyện vào cơ sở trợ giúp xã hội cấp huyện | 512/QĐ-UBND ngày 08/5/2018 của Chủ tịch UBND tỉnh Gia Lai |
| 04 | 2.002127 | Dừng trợ giúp xã hội tại cơ sở trợ giúp xã hội cấp huyện | 512/QĐ-UBND ngày 08/5/2018 của Chủ tịch UBND tỉnh Gia Lai |